

DANH SÁCH HỌC SINH MIỄN GIẢM HỌC BUỔI 2

HỌC KỲ II. NĂM HỌC 2022-2023

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống

giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Stt	Họ và tên	Lớp	Đối tượng chính sách	Mã số hộ nghèo/Hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ 80.000 đồng/tháng	Số tháng	Kinh phí thực hiện	Ghi chú
1	Lê Hoàng Tuấn Kiệt	6/12	Hộ nghèo	268 781 201 66 HN	80.000	9	720.000	
2	Nguyễn Tòng Xuân Hồng	6/11	Hộ nghèo	268 780 302 41 HN	80.000	5	400.000	
3	Nguyễn Lê Hoài Nam	7/13	Hộ nghèo	268 780 100 28HN	80.000	5	400.000	
4	Nguyễn A Thùy Trang	8/14	Hộ nghèo	268 780 102 36HN	80.000	5	400.000	
5	Đặng Hoàng Bảo Nam	8/15	Hộ nghèo	268 780 400 74 HN	80.000	5	400.000	
6	Nguyễn Ngọc Duy	8/15	Hộ nghèo	268 690 602 37 HN	80.000	5	400.000	
7	Đặng Hoàng Minh	9/14	Hộ nghèo	268 780 400 73 HN	80.000	5	400.000	
8	Trần Thị Ánh Tuyết	7/11	Hộ cận nghèo	268 781 101 49 HCN	40.000	5	200.000	
9	Nguyễn Hoàng Bảo Thy	8/9	Hộ mới thoát mức chuẩn hộ nghèo	268 690 401 55 HKN	40.000	5	200.000	
10	Huỳnh Đăng Khoa	8/6	Hộ cận nghèo	268 690 50200 HCN	40.000	5	200.000	
11	Nguyễn Trần Nhã Uyên	8/15	Hộ cận nghèo	268 780 200 32 HCN	40.000	5	200.000	
Tổng cộng:							3.920.000	

Số tiền bằng chữ: Ba triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng./.

Người lập

Phạm Thị Tường Lan

Phạm Thị Tường Lan



Gò Vấp, ngày 27 tháng 02 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Thor